TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Khóa;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dươngtham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1986.

HKTT: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị H, sinh năm 1986.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã T, huyện T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nước Suriname. (Vắng mặt).

3. Người làm chứng: Bà Trần Thị T, sinh năm 1947, địa chỉ cư trú: Xóm L, thôn L, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự do tìm hiểu, quen biết được khoảng 02 tháng thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/02/2014. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại gia đình anh T được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do từ năm 2016 chị H thường xuyên ghen tuông vô cớ. Năm 2018 chị H bí mật làm thủ tục đi lao động ở nước ngoài mà không trao đổi gì với anh T. Anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay và vợ chồng cũng không còn liên lạc với nhau. Đến nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 02/7/2014 và Trần Thị Bảo A, sinh ngày 27/7/2016. Hiện hai cháu đang ở cùng với anh T, do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi vợ chồng ly hôn, anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Anh T xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, mẹ đẻ của chị Ngô Thị Hg là bà Trần Thị T trình bày: Bà T là mẹ đẻ của chị Ngô Thị H và anh Trần Văn T là chồng chị H và là con rể của bà. Anh T và chị H kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại gia đình nhà anh T. Mâu thuẫn của anh T và chị H cụ thể thì bà không nắm được. Năm 2018 chị H đi lao động tại Suriname. Do chị H không nói địa chỉ cụ thể nên bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H tại Suriname cho Tòa án được. Gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị H nên bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho chị H biết việc anh T đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đồng thời thông báo nội dung các văn bản tố tụng của tòa án cho chị H biết. Qua trao đổi thì bà được chị H cho biết chị có quan điểm rằng vợ chồng ly thân đã lâu, đến nay không còn tình cảm nên chị đồng ý ly hôn với anh T. Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 02/7/2014 và Trần Thị Bảo A, sinh ngày 27/7/2016, hiện đang ở với anh T. Khi ly hôn chị H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung tuy nhiên do chị đang không ở Việt Nam nên không có điều kiện chăm sóc các con chung nên anh T có nguyện vọng nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con thì chị H đồng ý. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc thường xuyên thay đổi địa chỉ nên chị H không thể cung cấp địa chỉ cụ thể, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị H và tống đạt các văn bản thông qua mẹ đẻ chị là bà T và bà T

đồng ý nhận thay để thông báo cho chị H. Ngoài ra chị H không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đến nay tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82 Luật HN&GĐ 2014, Điều 147 BLTTDS 2015, Nghị quyết 326 của Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Ngô Thị H. Giao cho anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 02/7/2014 và Trần Thị Bảo A, sinh ngày 27/7/2016 đến khi đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Anh Trần Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Ngô Thị H là người Việt Nam hiện đang lao động tại Suriname, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn: Anh T không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Suriname. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án đã hai lần yêu cầu bà T là mẹ đẻ chị H cung cấp địa chỉ của chị H tại Suriname nhưng bà T không cung cấp được. Tuy nhiên bà T vẫn liên lạc được với chị H nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị H. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh T vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thông báo qua thân nhân theo đúng quy định. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T và chị H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/02/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị

chung sống tại gia đình anh T. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ năm 2016. Năm 2018 chị H đi lao động tại Suriname và từ đó không có liên lạc gì với anh T, cũng chưa về thăm nhà lần nào nhưng chị H vẫn liên lạc với mẹ đẻ là bà T. Anh T và chị H ly thân đã nhiều năm. Đến nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị H. Thông qua mẹ đẻ thì chị H cũng có quan điểm đồng ý ly hôn anh T.

Xét thấy hôn nhân của anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận cho anh T ly hôn với chị H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 02/7/2014 và Trần Thị Bảo A, sinh ngày 27/7/2016, hiện đang ở với anh T. Xét thấy mặc dù chị H cũng có nguyện vọng được nuôi con chung tuy nhiên hiện chị H không có ở Việt Nam để chăm sóc các con, bản thân chị H cũng đồng ý để anh T tiếp tục nuôi con chung, các con chung đang sống ổn định với anh T và cũng có nguyện vọng tiếp tục ở với bố. Do đó cần chấp nhận cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành và chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Hồng cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh T và chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273, khoản 2 Điều 479 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Ngô Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 02/7/2014 và Trần Thị Bảo A, sinh ngày 27/7/2016 đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn T không yêu cầu chị Ngô Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị Ngô Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0002822 ngày 15/10/2020. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Ngô Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đăng Huy